

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 967/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2022

V/v Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Sơn Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27/6/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 679/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/7/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 679/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 231/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh P, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Số 90 đường 25, Tổ 6, Ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 47/10 đường 417, Tổ 12, Ấp 5, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 30/12/2019, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh P trình bày:

Bà P và ông Nguyễn Văn T có quá trình tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thông Hội, huyện Cử Chi, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 225 Quyển số 02/2006 ngày 01/11/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều

mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ đến mức không thể cứu vãn được. Đến thời gian gần đây, ông T không còn quan tâm đến vợ con và có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Bà P có khuyên nhủ ông T nhưng không có kết quả. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không còn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà P yêu cầu ly hôn ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Anh T, sinh ngày 15/10/2007, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản: Bà P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt từ khi vụ án được thụ lý; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải cho đến phiên tòa mà không có lý do. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện của bà Trần Thị Thanh P yêu cầu ly hôn đối với ông Nguyễn Văn T, đây là tranh chấp về “Ly hôn theo yêu cầu của một bên” quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, thuộc trường hợp “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông T cư trú tại xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 225 Quyền số 02/2006 ngày 01/11/2006, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Đời sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà P yêu cầu ly hôn ông T. Hội đồng xét xử xét thấy ông T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng vắng mặt không lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà P, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự chỉ xem xét

các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[4] Hội đồng xét xử xét việc bà P yêu cầu ly hôn với ông T vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, bà P không muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng. Về phía ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà P. Hội đồng xét xử không có cơ sở để hòa giải đoàn tụ, hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về nuôi con chung: Bà P và ông T có 01 (một) con chung tên Nguyễn Trần Anh T, sinh ngày 15/10/2007. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến gì. Hội đồng xét xử xét thấy, trẻ T có nguyện vọng được sống chung với mẹ nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P, giao cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con của bà P.

[6] Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Nghĩa vụ chung về tài sản: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà P phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh P.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh P ly hôn ông Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 225 Quyển số 02/2006 ngày 01/11/2006 hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về nuôi con chung: Giao cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Trần Anh T, sinh ngày 15/10/2007. Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con của bà P.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ chung về tài sản: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà P chịu nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0084144 ngày 29/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà P đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- VKSND huyện Củ Chi (02);
- Chi cục THADS huyện Củ Chi (01);
- UBND xã Tân Thông Hội (01);
- TAND TP. Hồ Chí Minh (02);
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Sơn Hà